

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Định và ông Trần Quang Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Cao Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994; địa chỉ: (Thôn X, xã N, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị cũ). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1991; nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã N, tỉnh Quảng Trị (Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị cũ); chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 18 tháng 6 năm 2012. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng qua điếm sống, không có tiếng nói chung, không thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, sống ly thân. Gần đây chị mới biết anh Hóa sinh S tại Hàn Quốc nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân nhau, hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị

Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Chị trình bày, quá trình chung sống vợ chồng không sinh con nhưng nhận nuôi cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2017, vợ chồng đứng tên làm thủ tục nhận nuôi con nuôi hợp pháp. Sau ly hôn, chị nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung và nợ chung. Chị làm đơn xin xét xử vắng mặt và đơn đề nghị Toà án sớm giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H: Anh H hiện không có mặt ở địa phương; kết quả xác minh tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thể hiện: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1991 đã xuất cảnh ngày 16 tháng 7 năm 2025 qua Sân bay quốc tế Đ, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 03 năm 2026, bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ đẻ của anh H) trình bày: Bà là mẹ ruột của anh H, bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Toà án. Anh H hiện đang ở Hàn Quốc, thường xuyên liên lạc về gia đình, bà cam kết sẽ gửi Thông báo thụ lý vụ án cho con trai bà được biết.

Tại phiên tòa:

- Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, có vi phạm về thời gian mở phiên tòa sớm hơn thời gian tối thiểu theo quy định nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, đây là phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh H. Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị T chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị (Nay là thôn X, xã N, tỉnh Quảng Trị); chỗ ở hiện nay tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn: Theo thông tin nguyên đơn cung cấp, quá trình xác minh, anh H đã xuất cảnh sang Hàn Quốc. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo phương thức niêm yết và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 173; các khoản 1, 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do; chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký, không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng qua điểm sống, không có tiếng nói chung, không thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Thân yêu C Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, sống ly thân, không quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các biện pháp tổng đạt nhưng anh H vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn để xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2017. Chị T có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Cháu N được anh H và chị T nhận nuôi con nuôi theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 04/2017 ngày 21 tháng 6 năm 2017 theo thủ tục hợp pháp nên được coi là con chung của vợ chồng. Xét thấy cháu N hiện đang ở với chị T và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh H đang lao động tại Hàn Quốc nên không trực tiếp nuôi con được. Mặt khác anh H cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T chịu án phí ly hôn.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị T chịu toàn bộ chi phí đăng tin.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 180, 227, 228, 469, 474, 477 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 31 tháng 03 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh H có quyền qua lại thăm con; chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; khi cần thiết anh hoặc chị có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000379 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T chịu và nộp đủ 2.250.000 đồng chi phí đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

4. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV3;
- Các đương sự,
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Nam Ba Đồn;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Anh Đức

